

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng;
việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến
quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công
chứng;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp
thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt
động sự nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật
Công chứng;*

*Thực hiện Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 78/TTr-STP ngày 27 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng; việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 và thay thế Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng; việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Cục KTVB - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Như Điều 3;
- Hội Công chứng viên tỉnh Bình Phước;
- Trung tâm CNTT và Truyền Thông;
- Đài PT-TH và Báo Bình Phước;
- LĐVP, Phòng NC;
- Lưu: VT, DN16

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH_{lc}



Trần Tuệ Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng;
Việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng; việc thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng từ địa bàn huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện) này sang địa bàn huyện khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng và công chứng viên đang hoạt động hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cấp, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Nguyên tắc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ

1. Việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng; thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng từ địa bàn huyện này sang địa bàn huyện khác phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, khách quan, chính xác, đúng quy định pháp luật.

2. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, tài liệu và những nội dung trình bày trong Đề án thành lập.

Điều 3. Những trường hợp không thụ lý giải quyết hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

1. Công chứng viên tham gia từ 02 (hai) hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng trở lên tại cùng một thời điểm có thông báo tiếp nhận hồ sơ.

2. Công chứng viên tham gia Đề án thành lập thuộc trường hợp không được thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Công chứng viên đang bị đình chỉ hành nghề công chứng hoặc đang trong thời gian chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi vi phạm pháp luật về công chứng, chứng thực và chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 7 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Công chứng viên đã chuyển nhượng Văn phòng công chứng trong thời hạn 05 năm kể từ ngày chuyển nhượng.

5. Công chứng viên chưa chấm dứt tư cách thành viên hợp danh hoặc đã chấm dứt tư cách thành viên hợp danh tại các Văn phòng công chứng nhưng thời gian chấm dứt hợp danh chưa đủ 02 (hai) năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

6. Công chứng viên hợp danh chấm dứt hợp danh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 185 Luật Doanh nghiệp.

Chương II

TIÊU CHÍ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 4. Về số lượng hợp đồng, giao dịch

1. Đối với những địa bàn cấp huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm dưới 18.000 (mười tám nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cho phép thành lập tối đa không quá 02 (hai) Văn phòng công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện có trên địa bàn).

2. Đối với những địa bàn cấp huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm từ 18.000 (mười tám nghìn) hợp đồng, giao dịch đến dưới 40.000 (bốn mươi nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cho phép thành lập tối đa không quá 04 (bốn) Văn phòng công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện có trên địa bàn) và phải bảo đảm trong một năm mỗi tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng từ 8.000 (tám nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên.

3. Đối với những địa bàn cấp huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm từ 40.000 (bốn mươi nghìn) hợp đồng, giao dịch đến dưới 60.000 (sáu mươi nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cho phép thành lập tối đa không quá 06 (sáu) Văn phòng công chứng (bao gồm cả các tổ chức hành nghề công chứng hiện có trên địa bàn) và phải bảo đảm trong một năm mỗi tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng từ 8.000 (tám nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên.

4. Các địa bàn cấp huyện có số lượng hợp đồng, giao dịch công chứng phát sinh trong một năm trên 60.000 (sáu mươi nghìn) hợp đồng, giao dịch thì cứ tăng thêm 10.000 (mười nghìn) hợp đồng, giao dịch thì được thành lập thêm 01 (một) Văn phòng công chứng.

5. Đối với những đơn vị hành chính cấp huyện sáp nhập thì số lượng hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm và số tổ chức hành nghề công chứng được tính như sau: Tổng số tổ chức hành nghề công chứng và tổng số hợp đồng, giao

dịch thuộc địa bàn cấp huyện nhập sáp nhập cộng với tổng số tổ chức hành nghề công chứng và tổng số hợp đồng giao dịch của tổ chức hành nghề công chứng được sáp nhập vào đơn vị hành chính mới.

Chỉ xem xét cho phép thành lập thêm Văn phòng công chứng tại đơn vị hành chính cấp huyện sáp nhập nếu tổng số hợp đồng, giao dịch phát sinh trong một năm trên 80.000 (tám mươi nghìn) hợp đồng, giao dịch và phải bảo đảm trong một năm mỗi tổ chức hành nghề công chứng thực hiện công chứng từ 8.000 (tám nghìn) hợp đồng, giao dịch trở lên.

6. Đối với địa bàn huyện đã thành lập đủ số lượng Văn phòng công chứng và không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 khoản 5 Điều này nhưng trong quá trình hoạt động có 02 (hai) Văn phòng công chứng trở lên thường xuyên (05 tháng liên tục) chỉ có một công chứng viên thực hiện ký công chứng hợp đồng, giao dịch thì có thể xem xét thành lập thêm 01 (một) Văn phòng công chứng để đáp ứng và phục vụ nhu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch của tổ chức, cá nhân.

7. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, rà soát kết quả hành nghề của từng công chứng viên và tổng hợp số lượng hợp đồng, giao dịch trong 01 năm (từ ngày 01/01 đến ngày 31/12). Tổng số lượng hợp đồng, giao dịch phát sinh và kết quả hành nghề của từng công chứng viên trong một năm trên địa bàn mỗi huyện là cơ sở để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định số lượng Văn phòng công chứng được phép thành lập mới hoặc xem xét, quyết định việc chuyển trụ sở của các Văn phòng công chứng từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác.

Điều 5. Điều kiện đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng công chứng

1. Về tổ chức nhân sự

Văn phòng công chứng khi xin phép thành lập phải đáp ứng quy định của pháp luật về số lượng công chứng viên, điều kiện Trưởng Văn phòng công chứng và các vị trí nhân sự phụ trách kế toán, lưu trữ, công nghệ thông tin, chuyên viên pháp lý làm việc tại Văn phòng công chứng.

2. Về trụ sở làm việc

Trụ sở của Văn phòng công chứng phải có địa chỉ cụ thể, diện tích đất tối thiểu 200m², đảm bảo điều kiện về trụ sở theo quy định của Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Về trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hành nghề công chứng và ứng dụng công nghệ thông tin.

4. Về đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.

Điều 6. Tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng

1. Đề án xác định được thời gian, tiến độ thực hiện các dự kiến về tổ chức nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng công chứng đúng quy định pháp luật.

2. Đề án phải xây dựng được các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng công chứng.

Điều 7. Xét duyệt hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng

1. Thành lập Tổ xét duyệt

a) Giao Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quyết định thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng từ 05 đến 07 thành viên, với thành phần, gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo Sở Tư pháp hoặc Trưởng phòng chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về công chứng và đại diện một sở phòng, đơn vị thuộc Sở Tư pháp.

b) Việc thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải đảm bảo đúng quy định của Luật Công chứng; Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

c) Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm ban hành Quy chế hoạt động và quy trình xét duyệt hồ sơ của Tổ xét duyệt.

2. Hồ sơ xét duyệt phải tuân theo quy định của Luật Công chứng, Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng

Hồ sơ xin thành lập Văn phòng công chứng được chọn để cho phép thành lập ngoài việc đáp ứng các nội dung của Quy định này và các văn bản pháp luật khác có liên quan thì phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Điểm số bình quân chấm của các thành viên trong Tổ xét duyệt phải đạt từ 75 điểm trở lên và không có tiêu chí nào bị chấm 0 điểm;

b) Nếu trong cùng một địa bàn huyện mà có nhiều hồ sơ xin thành lập thì hồ sơ nào có điểm số bình quân cao nhất sẽ được chọn để cho phép thành lập;

c) Trong trường hợp trên cùng địa bàn cấp huyện có nhiều hồ sơ xin thành lập Văn phòng công chứng có số điểm bình quân của các thành viên trong Tổ xét duyệt bằng nhau thì điểm số tiêu chí theo thứ tự ưu tiên dưới đây sẽ được chọn:

- Số lượng công chứng viên;
- Kinh nghiệm của công chứng viên;
- Nhân viên nghiệp vụ.

d) Thang điểm các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng được ban hành tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Chương III

VIỆC THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG

Điều 8. Điều kiện thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng

1. Văn phòng công chứng khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động xin chuyển trụ sở từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải được Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Địa bàn cấp huyện nơi dự kiến chuyển đến phải đảm bảo theo quy định tại Điều 4 Quy định này;

b) Vị trí dự kiến đặt trụ sở phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này;

c) Trong trường hợp Luật Công chứng và các văn bản hướng dẫn thi hành có quy định khác về chuyển trụ sở từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác thì thực hiện theo quy định của Luật Công chứng và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Văn phòng công chứng khi thay đổi nội dung đăng ký hoạt động xin chuyển trụ sở trong cùng địa bàn huyện phải được Sở Tư pháp xem xét, quyết định và đáp ứng các điều kiện sau:

a) Nếu chuyển từ địa bàn cấp xã vào địa bàn cấp xã đã có tổ chức hành nghề công chứng thì chỉ được xem xét khi Văn phòng công chứng đã hoạt động liên tục từ 24 tháng trở lên tính từ ngày được cấp giấy phép hoạt động.

b) Nếu chuyển từ địa bàn cấp xã vào địa bàn cấp xã chưa có tổ chức hành nghề công chứng thì được xem xét ngay sau khi Văn phòng công chứng được cấp giấy đăng ký hoạt động;

c) Đối với các Văn phòng công chứng thành lập, hoạt động trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành: Chỉ xem xét, giải quyết đề nghị chuyển trụ sở nếu nơi chuyển đến phải đảm bảo các quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này;

d) Vị trí dự kiến đặt trụ sở nơi chuyển đến trong các trường hợp quy định tại điểm a, b, c Khoản 1 Điều này phải đảm bảo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Quy định này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm kiểm tra điều kiện thay đổi địa điểm trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quy định chuyển tiếp

Đối với các tổ chức hành nghề công chứng đã được thành lập trước khi Quy định này có hiệu lực thi hành thì vẫn tiếp tục hoạt động theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ xem xét số lượng và cho phép thành lập mới đối với địa bàn cấp huyện còn thiếu Văn phòng công chứng theo quy định tại Điều 4 Quy định này.

2. Kinh phí thực hiện

a) Kinh phí thành lập, thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh tự bảo đảm;

b) Ngân sách tỉnh bảo đảm kinh phí cho hoạt động thẩm định hồ sơ thành lập, thay đổi địa điểm trụ sở Văn phòng công chứng và công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát của Sở Tư pháp trong dự toán chi hàng năm của Sở Tư pháp.

3. Tổ chức thực hiện

a) Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Quy định này;

b) Đối với các nội dung chưa có trong Quy định này có liên quan đến việc thành lập, thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng thì thực hiện theo Luật Công chứng và pháp luật khác có liên quan.

c) Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, địa phương và các tổ chức, cá nhân kịp thời báo cáo về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và theo quy định pháp luật hiện hành./.

Phụ lục
Thang chấm điểm các tiêu chí thành lập Văn phòng công chứng
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2024/QĐ-UBND
ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Tổng số điểm: 100 điểm

Stt	Nội dung tiêu chí	Số điểm (tối đa)	Ghi chú
1.	Các điều kiện bảo đảm cho hoạt động của các Văn phòng công chứng	90	
1.1	Về tổ chức nhân sự	55	
a)	<i>Số lượng Công chứng viên</i>	<i>10</i>	
+	02 (hai) công chứng viên	6	
+	03 (ba) công chứng viên	8	
+	04 (bốn) công chứng viên trở lên	10	
b)	<i>Về kinh nghiệm của công chứng viên: (Số điểm tại các tiêu chí này được xét cho từng công chứng viên. Nếu hồ sơ có nhiều công chứng viên và tổng số điểm tiêu chí này cao hơn 28 điểm thì chỉ tính tối đa 28 điểm)</i>	<i>28</i>	
-	Thời gian công tác pháp luật sau khi có bằng cử nhân luật:	3	
+	Dưới 05 năm	1	
+	Từ 05 năm đến 07 năm	2	
+	Từ 07 năm trở lên	3	
-	Có thời gian công tác liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực công chứng tại các cơ quan quản lý nhà nước trước khi bổ nhiệm công chứng viên hoặc đã từng là Trưởng các tổ chức hành nghề công chứng	3	
+	Dưới 02 năm	2	
+	Từ 02 năm trở lên	3	
-	Có thời gian làm chuyên viên pháp lý hoặc nhân viên nghiệp vụ tại các tổ chức hành nghề công chứng trước khi được bổ nhiệm công chứng viên:	3	
+	Dưới 03 năm	1	
+	Từ 03 năm đến 05 năm	2	

+	Từ 05 năm trở lên	3	
-	Đã từng là công chứng viên tại các tổ chức hành nghề công chứng khác trước khi tham gia đề nghị xét duyệt thành lập Văn phòng công chứng:	5	
+	Dưới 02 năm	2	
+	Từ 02 năm đến 04 năm	3	
+	Từ 04 năm trở lên	5	
c)	Về kinh nghiệm hành nghề công chứng của công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng:	5	
-	Từ 02 năm đến 04 năm	2	
-	Từ 04 năm đến 05 năm	3	
-	Từ 05 năm trở lên	5	
d)	Về nhân viên nghiệp vụ: (Số điểm tại tiêu chí này chỉ tính điểm nếu nhân viên nghiệp vụ dự kiến được ký hợp đồng lao động từ 02 năm trở lên). Nếu hồ sơ có nhiều nhân viên nghiệp vụ và tổng số điểm cao hơn 6 điểm thì chỉ tính điểm tối đa 06 điểm)	6	
-	Nhân viên nghiệp vụ có thời gian công tác nghiệp vụ công chứng:	2	
+	Dưới 02 năm	1	
+	Từ 02 năm trở lên	2	
-	Nhân viên nghiệp vụ đã có chứng chỉ tốt nghiệp khóa bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng	1	
+	Chưa có	0	
+	Đã có	1	
đ)	Về nhân viên phụ trách kế toán	2	
-	Văn phòng không có nhân viên phụ trách kế toán	0	
-	Nhân viên kế toán đã tốt nghiệp chuyên ngành kế toán:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên kế toán có thời gian làm công tác kế toán:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	

+	Từ 01 năm trở lên	1	
e)	<i>Về nhân viên phụ trách công nghệ thông tin:</i>	2	
-	Văn phòng không có nhân viên phụ trách công nghệ thông tin	0	
-	Nhân viên phụ trách công nghệ thông tin đã tốt nghiệp chuyên ngành công nghệ, thông tin:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên công nghệ thông tin có thời gian làm công tác công nghệ thông tin:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	
+	Từ 01 năm trở lên	1	
g)	<i>Về nhân viên văn thư, lưu trữ:</i>	2	
-	Văn phòng công chứng không có nhân viên phụ trách công tác văn thư, lưu trữ	0	
-	Nhân viên phụ trách văn thư, lưu trữ đã tốt nghiệp chuyên ngành văn thư, lưu trữ:	1	
+	Trung cấp trở xuống	0.5	
+	Cao đẳng trở lên	1	
-	Nhân viên văn thư, lưu trữ có thời gian làm công tác văn thư, lưu trữ:	1	
+	Dưới 01 năm	0,5	
+	Từ 01 năm trở lên	1	
1.2	Về dự kiến trụ sở làm việc	27	
a)	<i>Về địa điểm dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng</i>	5	
-	Dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn cấp xã đã có tổ chức hành nghề công chứng	0	
-	Dự kiến đặt trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn cấp xã chưa có tổ chức hành nghề công chứng	5	
b)	<i>Về diện tích đất của trụ sở Văn phòng công chứng:</i>	5	
-	Dưới 200m ²	Không thụ lý	

-	Từ 200m ² đến dưới 250m ²	2	
-	Từ 250m ² đến 350 m ²	4	
-	Từ 350m ² trở lên	5	
c)	Về diện tích làm việc và nơi tiếp người yêu cầu công chứng của Văn phòng công chứng (không tính diện tích kho lưu trữ, khu vệ sinh, cầu thang...):	6	
-	Dưới 100 m ²	2	
-	Từ 100 m ² đến dưới 150 m ²	5	
-	Từ 150 m ² trở lên	6	
d)	Về tính pháp lý của trụ sở Văn phòng công chứng:	5	
-	Trụ sở của Văn phòng là tài sản của Văn phòng công chứng do các công chứng viên hợp danh góp vốn thành lập hoặc được thuê, mượn thuộc sở hữu của các công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng:	5	
+	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	3	
+	Từ 05 năm trở lên	5	
-	Trụ sở văn phòng được thuê, mượn của tổ chức, cá nhân không phải là công chứng viên hợp danh của Văn phòng công chứng:	4	
+	Dưới 05 năm	2	
+	Từ 05 năm trở lên	4	
đ)	Về dự kiến tổ chức, bố trí sử dụng trụ sở:	1	
-	Không có bản vẽ, sơ đồ cụ thể về cách tổ chức, bố trí trụ sở làm việc, khu vệ sinh, cơ sở vật chất của đơn vị khi được phép thành lập	0	
-	Có bản vẽ, sơ đồ cụ thể về cách tổ chức, bố trí trụ sở làm việc, khu vệ sinh, cơ sở vật chất của đơn vị khi được phép thành lập	1	
e)	Về bố trí kho lưu trữ:	5	
-	Về diện tích kho lưu trữ:	4	
+	Dưới 50m ²	1	
+	Từ 50 m ² trở lên	4	
-	Trang bị tủ, kệ và các trang thiết bị cần thiết khác đảm bảo cho	1	

	việc lưu trữ hồ sơ công chứng an toàn		
+	Không trang bị	0	
+	Có trang bị	1	
1.3	Về dự kiến bố trí trang thiết bị phục vụ cho hoạt động công chứng	2	
	Trang bị máy tính, máy in, máy photocopy, tủ, kệ, bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp công dân và các trang thiết bị văn phòng cần thiết khác đảm bảo cho hoạt động của Văn phòng công chứng; trang bị thiết bị, đường truyền, kết nối phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng (<i>Số điểm tại tiêu chí này chỉ tính điểm nếu có kèm theo hợp đồng nguyên tắc với doanh nghiệp cung ứng sản phẩm đối với các dự kiến trang thiết bị</i>)		
-	Trang bị không đầy đủ	1	
-	Trang bị đầy đủ	2	
1.4.	Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ	6	
a)	<i>Về bố trí diện tích đậu, đỗ xe của khách hàng đến công chứng:</i>	2	
-	Không bố trí diện tích đậu, đỗ xe hợp pháp hoặc có bố trí diện tích đậu, đỗ xe nhưng diện tích dưới 15m ²	0,5	
-	Bố trí nơi đậu, đỗ xe hợp pháp, thuận tiện (không cách xa trụ sở Văn phòng công chứng quá 50m), đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông và có diện tích:		
+	Từ 15m ² đến dưới 40m ²	1	
+	Từ 40m ² trở lên	2	
b)	<i>Việc bố trí nhân viên bảo vệ, đảm bảo trật tự an toàn giao thông</i>	2	
-	Không bố trí	0	
-	Có bố trí	2	
c)	<i>Có trang bị bình chữa cháy và trang bị các phương tiện khác về phòng cháy, chữa cháy</i>	2	
-	Không trang bị	0	
-	Có trang bị	2	
2.	Tính khả thi của Đề án thành lập Văn phòng công chứng	10	
	Đề án xác định được thời gian, tiến độ thực hiện các dự kiến về		

	tổ chức nhân sự và cơ sở vật chất, trang thiết bị của Văn phòng đúng quy định và xây dựng được các giải pháp để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của Văn phòng công chúng.		
-	<i>Sơ sài, không đầy đủ nội dung</i>	2	
-	<i>Không đầy đủ các nội dung và tính khả thi không cao</i>	5	
-	<i>Đầy đủ nội dung, nhưng tính khả thi không cao</i>	7	
-	<i>Đầy đủ các nội dung và đảm bảo tính khả thi</i>	10	